

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh H

2. Ông Đinh Mạnh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-PT ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình (nay là xã LT, tỉnh Ninh Bình); (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988; địa chỉ đăng ký cư trú trước khi xuất cảnh: xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình (nay là xã LT, tỉnh Ninh Bình).

Nơi ở hiện nay: Anh A đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, lần gần nhất ngày 23/5/2023 (hiện không xác định được địa chỉ cụ thể), (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A có được tự do tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại UBND xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh A

tại xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình khoảng 11 năm. Đến năm 2020 thì vợ chồng xây nhà và ra ở riêng cùng tại xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do anh A mãi chơi bời, không chăm sóc đến gia đình, một mình chị H phải nuôi 3 con, vừa phải đi làm kiếm thêm thu nhập lo cho gia đình. Do cuộc sống kinh tế khó khăn, tháng 5 năm 2023 anh A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay vẫn chưa về. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau, sau đó thì ngày càng ít liên lạc, khi liên lạc với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cãi nhau, anh A dần dần ít liên lạc, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, chị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/5/2011; cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Nguyễn Vi Thị An Nh, sinh ngày 04/6/2022. Từ khi anh A đi nước ngoài cả ba cháu đều do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, Thời gian gần đây do công việc của chị H bận có ra Quảng Ninh để làm việc, nên chị H có gửi 2 cháu H và cháu Ph nhờ ông bà nội chăm sóc. Hiện tại chị H và các cháu đều đang sinh sống tại xóm 1, YL, KS, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn, chị H xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh A đang ở nước ngoài, khi nào anh A về nước thì anh chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản chung và công nợ: chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A: nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh A ở xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, (nay là xã LT, tỉnh Ninh Bình); Nơi ở hiện nay: anh A đang sinh sống lao động tại Nhật Bản (nH không xác định được địa chỉ cụ thể).

Tại công văn số 843/XNC-Đ1 ngày 12/12/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: anh Nguyễn Văn A sinh năm 1988 đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 23/5/2023 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội. Hiện nay chưa có thông tin anh A nhập cảnh về nước.

Tại Biên bản lấy ý kiến của các cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/5/2011 và cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/8/2015 trình bày như sau: chúng cháu là con đẻ của bố Nguyễn Văn A và mẹ Vi Thị H, hiện cháu H đang học lớp 9 tại trường THCS YL và cháu Ph đang học lớp 5 trường tiểu học YL, KS. Hiện nay bố A đang đi lao động tại Nhật Bản, mẹ H đang ra Quảng Ninh làm, anh em chúng cháu đang ở với ông bà nội, thỉnh thoảng bố A có điện thoại về cho các cháu. Nay mẹ H làm đơn ly hôn bố A, anh em chúng cháu mong muốn bố mẹ chung sống

hạnh phúc để nuôi các cháu, còn nếu bố mẹ ly hôn là tùy bố mẹ quyết định. Nguyên vọng của cháu H xin được ở với bố và ông bà nội, còn cháu Ph xin được ở với mẹ và em gái An Nh.

Tại biên bản làm việc bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ anh A) trình bày: năm 2010 anh Nguyễn Văn A kết hôn với chị Vi Thị H. Sau khi kết hôn anh A, chị H sinh sống cùng với gia đình bà, đến năm 2020 gia đình bà cho đất, vợ chồng anh A chị H đã ra làm nhà riêng và sinh sống tại nhà riêng cùng xóm 1 YL, KS, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng năm 2023 thì anh A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ đó cho đến nay chưa về lần nào, vợ con anh A vẫn ở nhà riêng, anh A có gửi tiền về cho vợ con hay không bà không biết, anh chị có 03 con chung, chị H làm tại công ty giày da huyện Yên Mô, thời gian gần đây chị H đi làm ở Quảng Ninh, 2 cháu lớn ở cùng với ông bà, còn cháu bé chị H mang theo. Thỉnh thoảng anh A vẫn có điện thoại về cho gia đình ông bà hỏi thăm sức khỏe, địa chỉ cụ thể của anh A như thế nào bà H không biết, bà có hỏi nhưng anh A chỉ nói đang làm ăn ở Nhật Bản, làm về bên cầu đường công việc thì di động, không cụ thể cố định. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh A, gia đình bà H mong muốn chị H nên suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con, còn nếu chị H vẫn ly hôn thì tùy các anh chị quyết định vì hiện nay anh A đang đi làm ăn xa nhà tại Nhật Bản. Tòa án có gửi các văn bản giấy tờ cho anh A, bà H sẽ nhận thay và thông báo lại cho anh A biết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2025 tại UBND xã LT, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Anh Nguyễn Văn A và chị Vi Thị H có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại UBND xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình (nay là xã LT, tỉnh Ninh Bình), Sau khi kết hôn anh A, chị H sinh sống tại xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng anh A chị H mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không rõ. Anh A, chị H có 03 con chung cháu lớn sinh năm 2011, cháu nhỏ sinh năm 2022, chị H và các cháu đang sinh sống và cư trú tại nhà riêng ở xóm 1 YL, LT. Hiện tại anh A không cư trú sinh sống tại địa phương, đang đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài, địa chỉ cụ thể ở nước ngoài như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 37, 40, 147, 227, 228, 469, 470, 471, 474, 476, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H. Cho chị Vi Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn A; Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/5/2011; cháu

Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Nguyễn Vi Thị An Nh, sinh ngày 04/6/2022 cho chị Vi Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Vi Thị H, địa chỉ: xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, (nay là xóm 1 YL, xã LT, tỉnh Ninh Bình).

Bị đơn anh Nguyễn Văn A, có quốc tịch Việt Nam; anh A hiện đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam lần gần nhất ngày 23/5/2023, hiện không xác định được địa chỉ. Trước khi xuất cảnh địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh A ở xóm 1, xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, (nay là xóm 1 YL, xã LT, tỉnh Ninh Bình). Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh A mà không cung cấp được địa chỉ của anh A ở nước ngoài, chỉ biết anh A đang ở Nhật Bản.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại nơi cư trú. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho thân nhân của anh A, tiến hành xác minh làm việc với thân nhân gia đình của anh A, (bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của anh A) xác nhận hiện nay anh A vẫn đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài (tại Nhật Bản), anh A vẫn thường xuyên điện thoại, liên lạc về với gia đình cho bà H1, nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, nên bà H1 cũng không biết được địa chỉ chính xác của anh A. Tòa án xác minh tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh A và đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải; Quyết định

đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa (lần hai). Đồng thời Tòa án đăng Thông báo về việc thụ lý vụ án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và đăng tin Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trên kênh Ban đối ngoại (VOV5 - nước ngoài) Đài tiếng nói Việt Nam (trong 03 ngày từ ngày 26, 27 và ngày 28/8/2025) cho anh A biết và đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến quan điểm của anh A đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh A không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã YL, huyện KS, tỉnh Ninh Bình cũ, (nay là xã BM, tỉnh Ninh Bình). Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn A và chị Vi Thị H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A chơi bời không chăm lo cho gia đình. Đến năm 2023 anh A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng luôn bất đồng quan điểm sống. Hiện tại anh A vẫn đang sinh sống làm việc tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị H là không còn, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể chung sống với nhau được, chị H đề nghị Tòa án để giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vi Thị H.

[2.2]. Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chị H và anh A có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/5/2011; cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Nguyễn Vi Thị An Nh, sinh ngày 04/6/2022. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng các con. Nguyện vọng của cháu H nếu bố mẹ ly hôn cháu H xin được ở với bố A và ông bà nội, cháu Ph xin được ở với mẹ H và em.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh A đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài

năm 2023 cho đến nay thì cả 03 con đều đang ở với chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, hơn nữa hiện tại anh A chưa về Việt Nam nên không thể giao con cho anh A chăm sóc nuôi dưỡng được. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, do đó việc chị H đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng 03 con là có căn cứ. Vì vậy, cần giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 03 cháu Nguyễn Minh H, cháu Nguyễn Minh Ph và cháu Nguyễn Vi Thị An Nh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh A không trực tiếp nuôi con, có quyền đi lại thăm con chung và có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và công nợ: chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A. Hôn nhân giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/5/2011; cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Nguyễn Vi Thị An Nh, sinh ngày 04/6/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh A có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này; khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000080 ngày 06/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai chị Vi Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THA - DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKT, TT & THA;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Trần Thị Sâm